PHỤ LỤC II

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI THỜI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022-2023

STT	Môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc	Số tiết lớp 10			Số tiết lớp 11			Số tiết lớp 12		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
1	Toán	180	90	90	140	72	68	175	90	85
2	Vật lí	72	36	36	72	36	36	72	36	36
3	Hóa học	72	36	36	72	36	36	81	35	46
4	Sinh học	72	36	36	72	36	36	81	35	46
5	Ngữ văn	105	54	51	105	54	51	105	54	51
6	Lịch sử	72	36	36	72	36	36	72	36	36
7	Địa lí	72	36	36	72	36	36	72	36	36
8	Tiếng Anh	216	108	108	216	108	108	216	108	108
9	KTPL/ GDCD	72	36	36	72	36	36	72	36	36
10	Công nghệ				72	36	36	72	36	36
11	Thể dục	72	36	36	72	36	36	72	36	36
12	Âm nhạc	72	36	36	72	36	36	72	36	36
13	Mỹ thuật	72	36	36	72	36	36	72	36	36
14	GDQP	35	18	17	35	18	17	35	18	17
15	Giáo dục địa phương	36	18	18	36	18	18	36	18	18
16	Hoạt động trải nghiệm	144	72	72	144	72	72	144	72	72